

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15/11/2010, Nghị định số 07/2012/NĐ-CP ngày 09/02/2012 của Chính phủ quy định về cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành và hoạt động thanh tra chuyên ngành, Nghị định số 54/2014/NĐ-CP ngày 29/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thanh tra Tư pháp;

Xét Báo cáo số 05/BC-ĐTTr ngày 17/4/2020 của Trưởng Đoàn Thanh tra theo Quyết định số 21/QĐ-STP ngày 04 tháng 3 năm 2020 của Giám đốc Sở pháp về thanh tra chuyên ngành việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại Phòng Tư pháp huyện Sơn Hà, UBND thị trấn Di Lăng, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi;

Giám đốc Sở Tư pháp kết luận việc chấp hành pháp luật về công tác đăng ký quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND thị trấn Di Lăng như sau:

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH, HOẠT ĐỘNG ĐƠN VỊ

1. Đặc điểm, tình hình đơn vị

Thị trấn Di Lăng là trung tâm của huyện Sơn Hà, cách thành phố Quảng Ngãi khoảng 55km về phía Tây. Vị trí địa lý: phía Đông giáp xã Sơn Thành, phía Tây giáp xã Sơn Bao, phía Nam giáp xã Sơn Thượng và Sơn Trung, phía Bắc giáp xã Trà Trung, huyện Tây Trà. Thị trấn Di Lăng có diện tích tự nhiên khoảng 5.709,72 ha, gồm 09 tổ dân phố, 19 khu dân cư với 2.469 hộ, 9.969 nhân khẩu. Trong đó, người dân tộc thiểu số chiếm 85% dân số, tỉ lệ hộ nghèo chiếm 8,86%.

Về hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác tư pháp hộ tịch, nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác này, trong những năm qua, Lãnh đạo UBND thị trấn Di Lăng đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và trực tiếp theo dõi, kiểm tra, đôn đốc công chức tư pháp hộ tịch xã thực hiện tốt các quy định về hộ tịch, chứng thực, góp phần nâng cao nhận thức pháp luật của người dân và hiệu quả công tác tư pháp ở địa phương. UBND thị trấn Di Lăng đã niêm yết công khai các thủ tục hành chính về công tác đăng ký hộ tịch và chứng thực tại bộ phận một cửa của UBND thị trấn theo đúng quy định.

UBND thị trấn bố trí 01 công chức có trình độ chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn của công chức tư pháp hộ tịch cấp xã. Về cơ sở vật chất, UBND thị trấn đã

trang bị tương đối đầy đủ các điều kiện thiết yếu để đáp ứng nhu cầu công tác tư pháp hộ tịch.

2. Kết quả thực hiện

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 10/3/2020, UBND thị trấn đã thực hiện đăng ký 623 sự kiện hộ tịch và chứng thực 652 hợp đồng, giao dịch. Cụ thể:

a) Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

SỰ KIỆN HỘ TỊCH	Năm 2019	Năm 2020 (tính từ ngày 01/01 đến 10/3/2020)	Tổng cộng
Đăng ký khai sinh	249	36	282
Trong đó: - Đúng hạn	141	25	166
- Quá hạn	102	11	113
- Đăng ký lại	06	0	06
Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	109	22	131
Đăng ký kết hôn	81	12	93
Đăng ký khai tử	47	06	53
Trong đó: - Đúng hạn	24	03	27
- Quá hạn	22	03	25
- Đăng ký lại	01	0	01
Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	59	01	60
Đăng ký nhận cha, mẹ, con	01	0	01
Sự kiện hộ tịch khác	0	0	0
Tổng cộng	546	77	623

b) Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

LOẠI HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH	Năm 2019	Năm 2020 (tính từ ngày 01/01 đến 10/3/2020)	Tổng cộng
Chuyển nhượng	107	22	129
Tặng cho	74	15	89
Thế chấp	326	52	378
Phân chia di sản thừa kế	18	03	21
Các loại hợp đồng, giao dịch khác	30	05	35
Tổng cộng	555	97	652

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác đăng ký và quản lý hộ tịch

1.1. Ưu điểm

- Sử dụng sổ đăng ký hộ tịch, giấy tờ hộ tịch theo đúng biểu mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 15/2015/TT-BTP ngày 16/11/2015 về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.

- Sổ hộ tịch được giáp lai, khóa Sổ đúng quy định tại Điều 58 Luật Hộ tịch năm 2014, khoản 2 Điều 19, khoản 2, khoản 3 Điều 27 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

1.2. Tồn tại

1.2.1. Sổ hộ tịch

- 11 trường hợp, công chức tư pháp hộ tịch ghi không đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ đăng ký hộ tịch. Cụ thể: Trong Sổ đăng ký khai sinh năm 2019, tại số đăng ký 31, 43, 52, 55, 56, 58, 61, 98, 114, 123/2019 không ghi giấy tờ tùy thân của người đi đăng ký; tại số 214/2019 không ghi thông tin dân tộc, quốc tịch của người mẹ. Những trường hợp này vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 19 Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: *“Các cột, mục trong Sổ hộ tịch, giấy tờ hộ tịch phải được ghi đầy đủ, chính xác theo đúng hướng dẫn trong Sổ hộ tịch và Thông tư này”*.

- 05 trường hợp, công chức tư pháp hộ tịch sửa chữa nội dung thông tin trong Sổ hộ tịch không đúng quy định. Cụ thể: tại số đăng ký 179, 184, 186, 208, 221/2019 của Sổ đăng ký khai sinh năm 2019, không thực hiện ghi chú việc sửa chữa thông tin trong Sổ hộ tịch. Theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: *“Khi đăng ký hộ tịch, nếu có sai sót công chức làm công tác hộ tịch phải gạch bỏ phần sai sót, ghi sang bên cạnh hoặc lên phía trên, không được chữa đè lên chữ cũ, không được tẩy xóa và viết đè lên chỗ đã tẩy xóa. Cột ghi chú của Sổ hộ tịch phải ghi rõ nội dung sửa chữa sai sót; ngày, tháng, năm sửa; công chức làm công tác hộ tịch ký, ghi rõ họ, chữ đệm, tên. Công chức làm công tác hộ tịch có trách nhiệm báo cáo Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch biết về việc sửa chữa sai sót. Thủ trưởng cơ quan đăng ký hộ tịch có trách nhiệm kiểm tra, cho phép đóng dấu xác nhận vào nội dung sửa chữa sai sót”*.

1.2.2. Hồ sơ hộ tịch

- Hồ sơ số 64/2019, đăng ký kết hôn cho người không thường trú tại thị trấn, Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do thủ trưởng cơ quan Đại đội huấn luyện - Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh cấp. Trường hợp này, UBND thị trấn Di Lăng đã đăng ký kết hôn cho người cư trú tại địa phương khác không đúng quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ: *“Trường hợp đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã mà người yêu cầu đăng ký kết hôn không thường*

trú tại xã, phường, thị trấn nơi đăng ký kết hôn thì phải nộp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân do Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền cấp” và khoản 1 Điều 21 Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ: “Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi thường trú của công dân Việt Nam thực hiện việc cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân. Trường hợp công dân Việt Nam không có nơi thường trú, nhưng có đăng ký tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi người đó đăng ký tạm trú cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân”.

- 20 trường hợp, UBND thị trấn thực hiện thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch (cụ thể: hồ sơ đăng ký từ số 07 đến 17/2019, từ số 38 đến số 42/2019, từ số 44 đến số 47/2019) chỉ có Tờ khai đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, không có giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch là không đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Luật Hộ tịch năm 2014: *“Người yêu cầu đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch nộp tờ khai theo mẫu quy định và giấy tờ liên quan cho cơ quan đăng ký hộ tịch”.*

- Trường hợp hồ sơ số 55/2019, UBND thị trấn thực hiện thủ tục bổ sung thông tin về người cha trong Giấy khai sinh của người con nhưng không có văn bản thừa nhận là con chung, vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 15/2015/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp: *“Trường hợp con do người vợ sinh ra trước thời điểm đăng ký kết hôn, đã được đăng ký khai sinh không có thông tin về người cha, vợ chồng có văn bản thừa nhận là con chung thì không phải làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con mà làm thủ tục bổ sung hộ tịch để ghi bổ sung thông tin về người cha trong Sổ đăng ký khai sinh và Giấy khai sinh của người con”.*

2. Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

2.1. Ưu điểm

Hồ sơ lưu trữ, sắp xếp khoa học, gọn gàng; lưu trữ đầy đủ giấy tờ tùy thân, Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng đất theo đúng quy định khoản 1 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2.2. Tồn tại

2.2.1. Hồ sơ, sổ sách

- UBND thị trấn Di Lăng không đăng ký chữ ký mẫu của người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: *“Các bên tham gia hợp đồng, giao dịch phải ký trước mặt người thực hiện chứng thực. Trường hợp người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp đã đăng ký chữ ký mẫu tại cơ quan thực hiện chứng thực thì có thể ký trước vào hợp đồng; người thực hiện chứng thực phải đối chiếu chữ ký của họ trong hợp đồng với chữ ký mẫu trước khi thực hiện chứng thực, nếu nghi ngờ chữ ký trong hợp đồng khác với chữ ký mẫu thì yêu cầu người đó ký trước mặt”.*

- Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch chưa đóng dấu giáp lai; khóa sổ nhưng không có con dấu, chữ ký của người ký chứng thực; vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ: *“Sổ chứng thực dùng để theo dõi, quản lý các việc đã chứng thực tại cơ quan, tổ chức thực hiện chứng thực. Sổ chứng thực được viết liên tiếp theo thứ tự từng trang không được bỏ trống, phải đóng dấu giáp lai từ trang đầu đến trang cuối sổ và thực hiện theo từng năm. Khi hết năm phải thực hiện khóa sổ và thống kê tổng số việc chứng thực đã thực hiện trong năm; người ký chứng thực xác nhận, ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu”*. Đồng thời, UBND thị trấn sử dụng hai Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch; trong đó, một Sổ ghi các trường hợp thế chấp, một Sổ ghi các trường hợp chuyển nhượng, tặng cho, thừa kế... Điều này dẫn đến cùng một số chứng thực nhưng có hai hồ sơ hoàn toàn khác nhau. Theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP, mẫu sổ chứng thực ban hành kèm theo Nghị định này bao gồm: Sổ chứng thực bản sao từ bản chính (SCT/BS); Sổ chứng thực chữ ký, chứng thực điểm chỉ (SCT/CK,ĐC); Sổ chứng thực chữ ký người dịch (SCT/CKND); Sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch (SCT/HĐ,GD). Như vậy, các trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch đều dùng chung một sổ và việc đóng dấu giáp lai, vào Sổ, khóa Sổ phải theo đúng quy định.

- Những trường hợp chứng thực phụ lục hợp đồng thế chấp như trường hợp chứng thực số 46/2020, 47/2020, hồ sơ không lưu hợp đồng thế chấp được chứng thực trước đó là không đảm bảo quy định. Bởi vì, bản chất phụ lục hợp đồng thế chấp là hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp, là bộ phận không tách rời của hợp đồng thế chấp. Do vậy, những trường hợp chứng thực này, phải lưu hợp đồng thế chấp và việc chứng thực chỉ được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền đã chứng thực hợp đồng thế chấp theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ:

“1. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực chỉ được thực hiện khi có thỏa thuận bằng văn bản của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.

2. Việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch được thực hiện tại cơ quan đã chứng thực hợp đồng, giao dịch. Trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc thì có thể chứng thực tại bất kỳ cơ quan có thẩm quyền chứng thực nào; cơ quan đã thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan đã chứng thực trước đây về nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ di chúc để ghi chú vào sổ chứng thực hợp đồng, giao dịch”.

2.2.2. Nội dung, hình thức hợp đồng, giao dịch

- Nhiều trường hợp nội dung trang lời chứng ghi thêm nội dung khác ngoài nội dung quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP; đồng thời, các sổ chứng thực 40/2020, 36/2020, 30/2020, trang lời chứng bỏ trống thông tin về ngày tháng năm, tên người có thẩm quyền ký chứng thực là không đảm bảo theo quy định tại khoản 4

Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ: “*Người thực hiện chứng thực ghi lời chứng tương ứng với từng loại hợp đồng, giao dịch theo mẫu quy định; ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu của cơ quan thực hiện chứng thực và ghi vào sổ chứng thực*”.

- Hồ sơ chứng thực số 30/2020, chứng thực hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ ông Trần Thái Sâm. Theo hồ sơ lưu tại UBND thị trấn Di Lăng, ông Trần Phước Sang sinh năm 1997 là thành viên của hộ ông Trần Thái Sâm; ông Sang đã ủy quyền cho bà Đinh Thị Nhung để bà Nhung thay mặt ông Sang toàn quyền định đoạt chuyển nhượng, tặng cho đối với quyền sử dụng đất mà ông Sang là một trong những thành viên của hộ gia đình đứng tên quản lý, sử dụng; việc ủy quyền này được thực hiện bằng Giấy ủy quyền và được UBND thị trấn Di Lăng chứng thực chữ ký vào ngày 14/6/2019 là không đúng theo quy định của điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP: “*Chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền đối với trường hợp ủy quyền không có thù lao, không có nghĩa vụ bồi thường của bên được ủy quyền và không liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng bất động sản*”.

- Một số trường hợp chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế, nội dung văn bản thỏa thuận không kê khai đầy đủ những người thừa kế thuộc hàng thứ nhất. Cụ thể: trường hợp chứng thực số 67/2019, nội dung văn bản thỏa thuận không đề cập đến cha, mẹ của người để lại di sản.

- Những trường hợp văn bản thỏa thuận có nội dung một trong những người thừa kế từ chối nhận và tặng cho lại phần di sản thừa kế cho người thừa kế khác là không phù hợp quy định pháp luật về dân sự. Bởi vì, việc từ chối nhận di sản thừa kế chỉ thực hiện trong trường hợp người thừa kế không nhận phần di sản thừa kế và khi từ chối nhận thì sẽ không có quyền tặng cho lại phần di sản thừa kế. Trường hợp, người thừa kế tặng cho phần di sản được thừa kế cho người khác thì không ghi là từ chối nhận di sản thừa kế.

III. NHẬN XÉT, KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND thị trấn Di Lăng trong những năm qua đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về hộ tịch và chứng thực được Lãnh đạo UBND thị trấn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc; bộ thủ tục hành chính về hộ tịch và chứng thực được niêm yết công khai tại Trụ sở UBND thị trấn; tại địa bàn do UBND thị trấn quản lý, chưa phát sinh trường hợp đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh liên quan đến công tác hộ tịch và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2. Những tồn tại, sai sót

Việc thực hiện công tác đăng ký, quản lý hộ tịch tại UBND thị trấn Di Lăng, tuy đã đạt được một số mặt tích cực nhưng trong quá trình thực hiện vẫn còn vi phạm nhiều quy định của pháp luật chuyên ngành. Cụ thể:

2.1. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch

- Việc ghi thông tin trong Sổ hộ tịch thực hiện không đúng hướng dẫn về cách ghi chép của Bộ Tư pháp tại Thông tư số 15/2015/TT-BTP như: không đầy đủ thông tin ở các mục trong Sổ theo quy định tại khoản 5 Điều 19, sửa chữa sai sót không đúng quy định tại khoản 1 Điều 26 Thông tư.

- Hồ sơ đăng ký kết hôn chưa đúng theo khoản 1 Điều 10 Nghị định 123/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Thực hiện thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch không đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 29 Luật Hộ tịch năm 2014.

- Thủ tục bổ sung thông tin về người cha trong Giấy khai sinh của người con không đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 15/2015/TT-BTP.

2.2. Về công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch

- Không lưu đăng ký chữ ký mẫu của người có thẩm quyền ký các hợp đồng, giao dịch của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 36 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Lời chứng của hợp đồng không đảm bảo theo quy định tại Khoản 4 Điều 36 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

- Sử dụng hai Sổ khác nhau cho việc chứng thực hợp đồng, giao dịch; đóng dấu giáp lai, khóa sổ chứng thực nhưng không có con dấu, chữ ký của người ký chứng thực, vi phạm quy định tại Điều 13 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

- Chứng thực chữ ký trong Giấy ủy quyền để ủy quyền việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không đúng theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 24 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

3. Trách nhiệm tập thể, cá nhân có liên quan

Những sai phạm về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch tại UBND thị trấn Di Lăng, trước hết là trách nhiệm của Chủ tịch UBND thị trấn. Với cương vị là người có thẩm quyền ký các giấy tờ hộ tịch và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong việc thực thi các công tác này nhưng trong quá trình chỉ đạo thực hiện, Lãnh đạo UBND thị trấn chưa thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở, đôn đốc nên công tác quản lý nhà nước về hộ tịch tồn tại một số sai phạm như đã nêu trên.

Bên cạnh đó, các công chức tham mưu cho UBND thị trấn trong công tác đăng ký, quản lý hộ tịch và công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch chưa chủ động, tích cực nghiên cứu các quy định pháp luật về các lĩnh vực được phân công; chưa thực hiện tốt việc kiểm tra hồ sơ ban đầu, quy trình, thủ tục không đúng nên còn thiếu sót trong việc hướng dẫn, yêu cầu người dân thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

IV. KIẾN NGHỊ

Căn cứ Luật Thanh tra năm 2010 và các văn bản có liên quan, trên cơ sở kết quả thanh tra, xét tính chất và mức độ các sai phạm; Giám đốc Sở Tư pháp kiến nghị một số nội dung sau:

1. UBND thị trấn Di Lăng

1.1. Chủ tịch UBND thị trấn Di Lăng tổ chức kiểm điểm, xác định trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, thực hiện công tác hộ tịch, chứng thực đã để xảy ra sai sót.

1.2. Đề nghị UBND thị trấn chủ động khắc phục những tồn tại, sai sót. Cụ thể:

- Công tác đăng ký, quản lý hộ tịch:

+ Bổ sung thông tin trong Sổ đăng ký khai sinh đối với 11 trường hợp ghi thiếu thông tin (*các số 31, 43, 52, 55, 56, 58, 61, 98, 114, 123, 214/2019*).

+ Bổ sung Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân trong hồ sơ đăng ký kết hôn (*số 64/2019*).

+ Bổ sung văn bản thừa nhận là con chung đối với hồ sơ bổ sung thông tin về người cha trong Giấy khai sinh của con (*số 55/2019*).

+ Bổ sung giấy tờ làm căn cứ thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch theo đúng quy định (*từ số 07 đến 17/2019, từ số 38 đến số 42/2019, từ số 44 đến số 47/2019*).

- Công tác chứng thực hợp đồng, giao dịch:

+ Ban hành văn bản yêu cầu các tổ chức tín dụng hoạt động tại địa phương đăng ký mẫu con dấu và chữ ký người có thẩm quyền giao kết hợp đồng của các tổ chức này.

+ Đóng dấu giáp lai, khóa Sổ chứng thực theo quy định; lập 01 Sổ sử dụng cho tất cả các trường hợp chứng thực hợp đồng, giao dịch.

+ Bổ sung nội dung thông tin còn thiếu trong trang Lời chứng (*các số 40/2020, 36/2020, 30/2020*). Nội dung trang Lời chứng phải đảm bảo theo mẫu Lời chứng được ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (*từ ngày 20/4/2020, mẫu Lời chứng được thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BTP ngày 03/3/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP*).

+ Rút kinh nghiệm đối với trường hợp chứng thực Giấy ủy quyền cho ông Trần Phước Sang vào ngày 14/6/2019.

1.3. Về công tác đăng ký, quản lý hộ tịch: Để thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực đăng ký và quản lý hộ tịch ở địa phương, Lãnh đạo UBND thị trấn Di Lăng và công chức tư pháp hộ tịch xã nghiên cứu, nắm vững các quy định của Luật Hộ tịch năm 2014, Nghị định số 123/2015/NĐ-CP, Thông tư số 15/2015/TT-BTP và các văn bản khác có liên quan để giải quyết các yêu cầu của công dân được nhanh chóng, chính xác, đúng quy định của pháp luật.

1.4. Về công tác chứng thực: Khi thực hiện chứng thực hợp đồng giao dịch, tùy vào đối tượng tài sản tham gia giao dịch, ngoài việc tuân thủ các quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP và Thông tư số 20/2015/TT-BTP ngày 29/12/2015 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP (từ ngày 20/4/2020, Thông tư số 20/2015/TT-BTP được thay thế bởi Thông tư số 01/2020/TT-BTP của Bộ trưởng Bộ Tư pháp); các bên tham gia giao dịch và cơ quan có thẩm quyền chứng thực cần phải tuân thủ các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Luật Đất đai năm 2013, Luật Nhà ở năm 2014 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan. UBND thị trấn Di Lăng thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật liên quan đến lĩnh vực đất đai để Nhân dân nắm bắt và chủ động thực hiện theo đúng quy định.

2. Phòng Tư pháp huyện Sơn Hà

Đề nghị Phòng Tư pháp huyện Sơn Hà tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn, tổ chức tập huấn, bồi dưỡng, hỗ trợ về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức tư pháp hộ tịch cấp xã; có biện pháp, hình thức tuyên truyền rộng rãi, đạt hiệu quả hơn cho Nhân dân trên địa bàn huyện, nhằm nâng cao ý thức chấp hành các quy định pháp luật của người dân, góp phần nâng cao chất lượng công tác tư pháp địa phương.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Yêu cầu UBND thị trấn Di Lăng tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra này tại trụ sở làm việc của UBND thị trấn trong 15 ngày liên tục theo quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều 46 Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22/9/2011 của Chính phủ. Trong thời hạn 30 ngày, kết quả thực hiện Kết luận thanh tra phải báo cáo về Sở Tư pháp để theo dõi, kiểm tra, đôn đốc theo quy định tại Nghị định số 33/2015/NĐ-CP ngày 27/3/2015 của Chính phủ.

2. Giao Chánh Thanh tra Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra và báo cáo Giám đốc Sở theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND thị trấn Di Lăng;
- Phòng Tư pháp huyện Sơn Hà;
- Thanh tra Bộ Tư pháp (để báo cáo);
- Thanh tra tỉnh;
- Lãnh đạo Sở;
- Công TTĐT Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, TTr (nttr).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Trung Tập